

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

12500  
NG T  
HIỆM H  
LOITT  
T NA  
DA - T

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Hồng Sơn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2014)
Bà Hoàng Thị Nga	Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2014)
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên
Ông Hoàng Văn Tuyên	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Hồng Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Hậu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2014)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

**Vũ Hồng Sơn**  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015





Số: 1010 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015, từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### ***Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đối với khoản phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ và phải thu về tiền đặt cọc và tiền lãi theo hợp đồng dịch vụ với số tiền lần lượt là 41.596.281.542 VND và 1.503.600.000 VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng về cơ sở trích lập số dự phòng phải thu khó đòi này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



---

**Khúc Thị Lan Anh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0036-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
*Ngày 30 tháng 3 năm 2015*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

---

**Phạm Quỳnh Hoa**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0910-2013-001-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>771.758.259.664</b>	<b>932.252.154.650</b>
(100=110+120+130+150)				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>377.272.511.351</b>	<b>229.996.638.112</b>
1. Tiền	111		227.272.511.351	229.996.638.112
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>32.593.730.204</b>	<b>5.352.619.376</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		32.627.027.904	16.331.120.598
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(33.297.700)	(10.978.501.222)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>361.095.999.987</b>	<b>696.524.132.956</b>
1. Phải thu khách hàng	131	8	778.905.000	525.432.000
2. Trả trước cho người bán	132		933.095.313	7.500.000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	8	397.343.841.901	354.804.171.337
4. Các khoản phải thu khác	138	8	5.361.089.315	344.957.395.018
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(43.320.931.542)	(3.770.365.399)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>796.018.122</b>	<b>378.764.206</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		607.533.952	118.577.974
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	161.834.732
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		188.484.170	98.351.500
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.805.748.946</b>	<b>19.507.617.414</b>
(200=220+260)				
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.193.677.206</b>	<b>14.375.427.634</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.986.211.841	7.770.751.790
<i>Nguyên giá</i>	222		15.706.822.833	14.960.504.399
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9.720.610.992)	(7.189.752.609)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	5.207.465.365	6.604.675.844
<i>Nguyên giá</i>	228		10.076.718.497	10.076.718.497
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.869.253.132)	(3.472.042.653)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.612.071.740</b>	<b>5.132.189.780</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.211.802.366	1.571.119.575
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		4.296.112.048	2.697.024.879
3. Tài sản dài hạn khác	268	11	1.104.157.326	864.045.326
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>790.564.008.610</b>	<b>951.759.772.064</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-CTCK**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>167.780.457.443</b>	<b>627.996.730.298</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>167.780.457.443</b>	<b>627.996.730.298</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	-	445.903.583.333
2. Phải trả người bán	312		701.419.941	1.147.028.156
3. Người mua trả tiền trước	313		843.000.000	688.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2.494.513.975	1.320.921.892
5. Phải trả người lao động	315		6.968.932.959	3.649.387.710
6. Chi phí phải trả	316	14	746.472.544	7.049.963.598
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	153.970.752.649	166.317.837.813
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		1.255.082.503	1.550.231.834
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		14.400	152.502.650
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		800.268.472	217.273.312
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>	<b>16</b>	<b>622.783.551.167</b>	<b>323.763.041.766</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>622.783.551.167</b>	<b>323.763.041.766</b>
1. Vốn điều lệ	411		600.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.803.948.265	2.966.281.765
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.939.618.053	3.101.951.553
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.039.984.849	17.694.808.448
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>790.564.008.610</b>	<b>951.759.772.064</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-CTCK**  
Đơn vị: VND

<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Mã số</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>1. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>	<b>10.070.648.290.000</b>	<b>5.436.363.940.000</b>
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	9.196.481.690.000	5.289.104.060.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	14.713.560.000	5.533.650.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	9.179.876.130.000	5.280.728.410.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.892.000.000	2.842.000.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	13.722.890.000	7.814.660.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	13.722.890.000	7.814.660.000
1.3. Chứng khoán cầm cố	017	742.984.800.000	1.484.800.000
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	742.984.800.000	1.484.800.000
1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	027	115.724.000.000	117.578.000.000
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	2.600.100.000	-
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	113.123.900.000	117.578.000.000
1.5. Chứng khoán chờ giao dịch	037	1.734.910.000	20.382.420.000
1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	30.000	-
1.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	1.734.880.000	20.382.420.000
<b>2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>051</b>	<b>98.050.840.000</b>	<b>129.326.770.000</b>
2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	1.210.000	980.000
2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	98.049.630.000	129.325.790.000



**Vũ Hồng Sơn**  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

**Vũ Thị Thanh Hằng**  
Kế toán trưởng

**Bùi Thị Yên**  
Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-CTCK**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>01</b>		<b>218.468.325.932</b>	<b>131.297.862.653</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		69.656.147.184	20.066.976.143
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		28.822.378.208	4.595.751.346
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		26.442.607	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.492.454.547	69.632.992.681
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		3.691.128.338	3.070.892.301
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		28.240.467	677.093
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		46.023.021	143.645.910
Doanh thu khác	01.9	17	114.705.511.560	33.786.927.179
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01)</b>	<b>10</b>		<b>218.468.325.932</b>	<b>131.297.862.653</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	18	180.180.693.674	90.840.483.781
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>38.287.632.258</b>	<b>40.457.378.872</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	22.109.285.935	18.062.811.855
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>16.178.346.323</b>	<b>22.394.567.017</b>
8. Thu nhập khác	31	19	3.810.150	2.365.393.220
9. Chi phí khác	32		3.772.296.748	63.547.111
<b>10. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(3.768.486.598)</b>	<b>2.301.846.109</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>12.409.859.725</b>	<b>24.696.413.126</b>
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	10.624.683.824	7.943.083.593
<b>13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>1.785.175.901</b>	<b>16.753.329.533</b>
<b>14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>22</b>	<b>50</b>	<b>558</b>



Vũ Hồng Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Vũ Thị Thanh Hằng  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Yến  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-CTCK**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>12.409.859.725</b>		<b>24.696.413.126</b>	
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>					
Khấu hao tài sản cố định	02	3.928.068.862		2.874.679.508	
Các khoản dự phòng	03	28.605.362.621		(3.977.313.496)	
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4.410.835.330)		(2.080.281.001)	
Chi phí lãi vay	06	51.734.935.212		16.070.805.553	
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>92.267.391.090</b>		<b>37.584.303.690</b>	
Thay đổi các khoản phải thu	09	285.162.750.332		233.926.418.249	
Thay đổi chứng khoán tự doanh	10	(16.295.907.306)		7.154.434.262	
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(5.554.790.021)		(485.237.329.156)	
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.129.638.769)		2.141.057.244	
Tiền lãi vay đã trả	13	(51.734.935.212)		(8.750.555.555)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.179.059.929)		-	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.020.870.509)		(2.046.235.168)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>289.514.939.676</b>		<b>(215.227.906.434)</b>	
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(746.318.434)		(11.811.478.706)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-		48.954.546	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.410.835.330		2.074.550.079	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>3.664.516.896</b>		<b>(9.687.974.081)</b>	
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	300.000.000.000		-	
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	576.456.004.167		500.000.000.000	
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.022.359.587.500)		(55.000.000.000)	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-		(18.000.000.000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(145.903.583.333)</b>		<b>427.000.000.000</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>147.275.873.239</b>		<b>202.084.119.485</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>229.996.638.112</b>		<b>27.912.518.627</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>377.272.511.351</b>		<b>229.996.638.112</b>	



Vũ Hồng Sơn  
Tổng Giám đốc

Vũ Thị Thanh Hằng  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Yến  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MÃ SỐ B 05-CTCK**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư tại		Số tăng(giảm) trong năm		Số dư tại	
	01/01/2013	01/01/2014	2013	2014	31/12/2013	31/12/2014
1. Vốn điều lệ (*)	300.000.000.000	300.000.000.000	Tăng -	Tăng 300.000.000.000	-	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	1.858.850.080	2.966.281.765	1.107.431.685	-	-	600.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	1.994.519.868	3.101.951.553	1.107.431.685	837.666.500	-	3.803.948.265
4. Lợi nhuận chưa phân phối	22.264.342.285	17.694.808.448	16.753.329.533	837.666.500	-	3.939.618.053
	<b>326.117.712.233</b>	<b>323.763.041.766</b>	<b>18.968.192.903</b>	<b>303.460.508.901</b>	<b>(4.439.999.500)</b>	<b>15.039.984.849</b>
			<b>(21.322.863.370)</b>	<b>(4.439.999.500)</b>	<b>323.763.041.766</b>	<b>622.783.551.167</b>

(\*) Trong năm Công ty thực hiện tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2014/NQ-ĐHCD ngày 16 tháng 4 năm 2014 và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt theo Giấy phép điều chỉnh số 27/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 10 năm 2014.



**Vũ Hồng Sơn**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

*(Handwritten signature)*

**Vũ Thị Thanh Hằng**  
 Kế toán trưởng

*(Handwritten signature)*

**Bùi Thị Yến**  
 Người lập biểu

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh bổ sung.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 114 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 88 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC nhưng chưa loại trừ chi tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

#### Hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ

Ngày 06 tháng 10 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 146/2014/TT-BTC (“Thông tư 146”) hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư này thay thế Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn. Thông tư 146 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2014 và áp dụng cho năm tài chính 2014 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 146 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 4. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

#### 5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu ngắn hạn khác và tài sản dài hạn khác.

##### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác, phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

10 - C  
TY  
HỮU H  
TE  
NAM  
TP. H



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Tiền và các khoản tương đương tiền (Tiếp theo)

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là khoản tiền của Công ty và nhà đầu tư tại tài khoản của Công ty mở ở ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

##### Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán tự doanh.

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), Công ty áp dụng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng do Công ty thu thập.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

##### Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu gốc và lãi của các hợp đồng giao dịch ký quỹ và các hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán.

##### Phải thu khác

Phải thu khác bao gồm phải thu gốc và lãi đối với khoản tiền đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán chưa niêm yết, dự thu lãi trái phiếu và các khoản phải thu khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2014</b>
	<b>Số năm</b>
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6
Tài sản khác	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm ứng dụng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3-5 năm.

**Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

**Doanh thu**

*Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư*

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

*Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn*

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch về mua bán chứng khoán tự doanh của Công ty. Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ. Lãi trái phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Doanh thu (Tiếp theo)**

*Hoạt động tư vấn*

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Hoạt động lưu ký chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

*Doanh thu khác*

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư, lãi từ hợp đồng môi giới chứng khoán chưa niêm yết. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**Thuế**

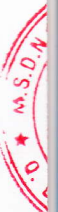
Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	25.806.659	374.496.337
Tiền gửi ngân hàng	74.977.186.475	109.959.911.473
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	152.269.518.217	119.662.230.302
Các khoản tương đương tiền	150.000.000.000	-
	<b>377.272.511.351</b>	<b>229.996.638.112</b>

**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Chứng khoán thương mại</b>		
Cổ phiếu niêm yết	32.617.932.604	6.709.967.598
Cổ phiếu chưa niêm yết	9.095.300	9.621.153.000
	<b>32.627.027.904</b>	<b>16.331.120.598</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(33.297.700)	(10.978.501.222)
	<b>32.593.730.204</b>	<b>5.352.619.376</b>

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VND)	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng	Giảm	
<b>Chứng khoán thương mại</b>					
- Cổ phiếu niêm yết	1.731.192	32.617.932.604	1.709.361.896	(24.202.400)	34.303.092.100
- Cổ phiếu chưa niêm yết	298	9.095.300	-	(9.095.300)	-
	<b>1.731.490</b>	<b>32.627.027.904</b>	<b>1.709.361.896</b>	<b>(33.297.700)</b>	<b>34.303.092.100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VND)	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng	Giảm	
<b>Chứng khoán thương mại</b>					
- Cổ phiếu niêm yết	553.265	6.709.967.598	5.103.224	(4.973.923.222)	1.741.147.600
- Cổ phiếu chưa niêm yết	1.686.818	9.621.153.000	-	(6.004.578.000)	3.616.575.000
	<b>2.240.083</b>	<b>16.331.120.598</b>	<b>5.103.224</b>	<b>(10.978.501.222)</b>	<b>5.357.722.600</b>

Chi tiết danh mục đầu tư ngắn hạn giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Chỉ tiêu	Số lượng (đơn vị)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giảm so với giá thị trường (VND)	Tổng giá trị thị trường (VND)
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
Cổ phiếu khác (*)	2.097	47.577.378	(24.202.400)	23.374.978
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
Cổ phiếu khác (*)	298	9.095.300	(9.095.300)	-
	<b>2.395</b>	<b>56.672.678</b>	<b>(33.297.700)</b>	<b>23.374.978</b>

(\*) Các cổ phiếu khác bao gồm các cổ phiếu lô lẻ mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MÃ SỐ B 09-CTCK

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014		Số phát sinh trong năm		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014		Đơn vị: VND
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
	Số khó đòi	Số khó đòi			Số khó đòi	Số dự phòng đã lập	
<b>1. Phải thu của khách hàng</b>	525.432.000	-	16.873.188.971	16.619.715.971	778.905.000	397.500.000	397.500.000
<b>2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	354.804.171.337	-	20.083.825.727.848	20.041.286.057.284	397.343.841.901	-	174.759.061.418
- Phải thu của khách hàng về giao dịch chứng khoán	354.804.171.337	-	20.083.825.727.848	20.041.286.057.284	397.343.841.901	-	174.759.061.418
+ Phải thu hợp tác đầu tư	3.773.485.400	-	-	3.773.485.400	-	-	-
+ Phải thu khách hàng giao dịch ký quỹ (i)	300.200.309.120	-	13.574.541.860.983	13.488.539.849.652	386.202.320.451	-	174.759.061.418
+ Phải thu chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán (ii)	50.830.376.817	-	6.509.283.866.865	6.548.972.722.232	11.141.521.450	-	-
<b>3. Thuế GTGT được khấu trừ</b>	-	-	13.257.275	13.257.275	-	-	-
<b>4. Phải thu nội bộ</b>	-	-	11.916.363.094	11.916.363.094	-	-	-
<b>5. Phải thu khác</b>	344.957.395.018	-	35.806.052.030	375.417.454.998	5.345.992.050	-	5.012.424.384
- Tiền đặt cọc và tiền lãi theo Hợp đồng dịch vụ mua chứng khoán (iii)	344.949.665.062	-	34.615.825.843	374.553.066.521	5.012.424.384	-	5.012.424.384
- Khác	7.729.956	-	1.190.226.187	864.388.477	333.567.666	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>700.286.998.355</b>	<b>-</b>	<b>20.148.434.589.218</b>	<b>20.445.252.848.622</b>	<b>403.468.738.951</b>	<b>397.500.000</b>	<b>180.168.985.802</b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với số tiền là 41.596.281.542 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, phần lớn các khoản phải thu này chưa được thanh toán. Số dư của các khoản phải thu về giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng một mã chứng khoán đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trong tháng 12 năm 2014 và đến thời điểm này, chứng khoán đảm bảo có sự sụt giảm về tính thanh khoản trên thị trường;

(ii) Phản ánh khoản phải thu từ hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán. Theo hợp đồng, Công ty nhận chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán của khách hàng căn cứ vào kết quả khớp lệnh bán chứng khoán của khách hàng tại Công ty. Ngay khi tiền bán chứng khoán của khách hàng được thanh toán theo kết quả thanh toán bù trừ, Công ty sẽ tự động thu tiền từ tài khoản của khách hàng bao gồm cả gốc ứng trước và lãi chuyển nhượng phát sinh.

(iii) Phản ánh số dư phải thu từ việc chuyển tiền làm tài sản bảo đảm và lãi phát sinh tính trên số tiền bảo đảm theo Hợp đồng dịch vụ giữa Công ty và đối tác, trong đó Công ty là bên mua. Đối với các hợp đồng dịch vụ, Công ty sẽ đề nghị đối tác thay mặt cho Công ty mua chứng khoán theo thỏa thuận trong hợp đồng, đồng thời chuyển cho đối tác tài sản bảo đảm là một khoản tiền tương đương 50% giá trị hợp đồng. Khi hợp đồng hết thời hạn mà đối tác không tìm được chứng khoán như theo thỏa thuận, đối tác sẽ phải trả lại cho Công ty số tiền đã chuyển làm tài sản bảo đảm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU (Tiếp theo)**

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện số phải thu từ Công ty Cổ phần BSC Việt Nam. Đến thời điểm lập báo cáo này, khoản phải thu này chưa được thanh toán. Trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi khoản phải thu này, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với số tiền là 1.503.600.000 VND.

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	12.250.259.765	188.012.000	1.871.862.300	650.370.334	14.960.504.399
Tăng trong năm	746.318.434	-	-	-	746.318.434
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>12.996.578.199</b>	<b>188.012.000</b>	<b>1.871.862.300</b>	<b>650.370.334</b>	<b>15.706.822.833</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	5.784.051.489	188.012.000	853.934.696	363.754.424	7.189.752.609
Khấu hao trong năm	2.141.568.387	-	311.977.056	77.312.940	2.530.858.383
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>7.925.619.876</b>	<b>188.012.000</b>	<b>1.165.911.752</b>	<b>441.067.364</b>	<b>9.720.610.992</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2014	5.070.958.323	-	705.950.548	209.302.970	5.986.211.841
Tại ngày 31/12/2013	6.466.208.276	-	1.017.927.604	286.615.910	7.770.751.790

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 5.727.404.788 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4.278.741.417 VND).

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	10.076.718.497	10.076.718.497
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>10.076.718.497</b>	<b>10.076.718.497</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	3.472.042.653	3.472.042.653
Khấu hao trong năm	1.397.210.479	1.397.210.479
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>4.869.253.132</b>	<b>4.869.253.132</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 31/12/2014	5.207.465.365	5.207.465.365
Tại ngày 31/12/2013	6.604.675.844	6.604.675.844

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.977.455.635 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.677.455.635 VND).

**11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.104.157.326	864.045.326
	<b>1.104.157.326</b>	<b>864.045.326</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn (*)	-	145.903.583.333
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sông Đà</i>	-	60.130.666.666
<i>Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất Động Sản Đại Dương</i>	-	85.772.916.667
Trái phiếu phát hành (**)	-	300.000.000.000
	<u>-</u>	<u>445.903.583.333</u>

(\*) Thể hiện số dư gốc và lãi vay phải trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo các hợp đồng vay vốn ký kết vào tháng 11 và tháng 12 năm 2013. Các khoản vay này đều có thời hạn dưới một năm, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất từ 11%/năm đến 11,2%/năm nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Công ty đã tắt toán các khoản vay này trong năm 2014.

(\*\*) Ngày 23 tháng 7 năm 2013, Công ty đã phát hành 300 trái phiếu (mệnh giá là 1.000.000.000 VND/trái phiếu) loại kỳ hạn 13 tháng kể từ ngày phát hành với lãi suất 11%/năm thông qua đại lý phát hành là Công ty Cổ phần chứng khoán VNDirect. Tổng giá trị trái phiếu phát hành là 300.000.000.000 VND. Công ty đã tắt toán trái phiếu phát hành trong năm 2014.

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	16.827.280	48.679.998
Thuế thu nhập cá nhân	1.193.897.532	1.218.972.561
Thuế nhà thầu	-	53.269.333
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.283.789.163	-
	<u>2.494.513.975</u>	<u>1.320.921.892</u>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả lãi trái phiếu	-	6.416.666.665
Phải trả phí lưu ký, chuyển khoản	-	227.000.000
Chi phí khác	746.472.544	406.296.933
	<u>746.472.544</u>	<u>7.049.963.598</u>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	71.854.418	60.789.948
Bảo hiểm xã hội	-	93.278.500
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	19.542.512.000	93.662.599.000
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	132.727.006.200	72.295.824.030
Phải trả, phải nộp khác	1.629.380.031	205.346.335
	<u>153.970.752.649</u>	<u>166.317.837.813</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	300.000.000.000	1.858.850.080	1.994.519.868	22.264.342.285	326.117.712.233
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	16.753.329.533	16.753.329.533
Trích lập quỹ	-	1.107.431.685	1.107.431.685	(3.322.863.370)	(1.108.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>2.966.281.765</b>	<b>3.101.951.553</b>	<b>17.694.808.448</b>	<b>323.763.041.766</b>
Lợi nhuận trong năm	300.000.000.000	-	-	1.785.175.901	301.785.175.901
Trích lập quỹ (*)	-	837.666.500	837.666.500	(4.439.999.500)	(2.764.666.500)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>3.803.948.265</b>	<b>3.939.618.053</b>	<b>15.039.984.849</b>	<b>622.783.551.167</b>

(\*) Phản ánh khoản trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2014/NQ-ĐHCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Công ty.

(\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2014/NQ-ĐHCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014, Công ty quyết định trích 4% vốn điều lệ tương đương 12.000.000.000 VND để chia cổ tức bằng tiền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa ghi nhận giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối số cổ tức nêu trên do Công ty chưa thực hiện việc chốt danh sách cổ đông để chia cổ tức năm 2013.

**Vốn điều lệ đã góp**

Theo Giấy phép điều chỉnh số 27/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006, vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn điều lệ đã góp tại			
	31/12/2014		31/12/2013	
Cổ đông	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	225.000.000.000	37,50%	225.000.000.000	75,00%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	33.000.000.000	5,50%	33.000.000.000	11,00%
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo	3.585.000.000	0,60%	30.960.000.000	10,32%
Ông Vũ Hồng Sơn	100.000.000.000	16,67%	-	0,00%
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	50.000.000.000	8,33%	-	0,00%
Các cổ đông khác	188.415.000.000	31,40%	11.040.000.000	3,68%
	<b>600.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**17. DOANH THU KHÁC**

	2014 VND	2013 VND
Thu phí theo Hợp đồng môi giới mua chứng khoán chưa niêm yết (*)	33.892.563.793	18.178.776.562
Lãi tiền gửi	3.592.333.324	1.719.225.203
Phí giao dịch ký quỹ	68.554.465.250	9.781.777.779
Phí chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	8.660.289.193	3.656.949.467
Doanh thu khác	5.860.000	450.198.168
<b>Tổng cộng</b>	<b>114.705.511.560</b>	<b>33.786.927.179</b>

(\*) Phản ánh doanh thu lãi từ các Hợp đồng đặt mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác trong đó Công ty là bên mua (Thuyết minh số 8).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	15.866.333.497	5.281.190.407
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	27.168.219.218	8.092.549.680
Chi phí hoạt động tư vấn	3.877.288.010	2.796.628.123
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	3.326.725.700	1.934.721.056
Chi phí nhận đặt cọc môi giới chứng khoán	-	41.170.832.111
Chi phí lãi vay	51.734.935.212	16.070.805.553
Chi phí dự phòng	28.532.662.621	(3.977.313.496)
Chi phí khác	49.674.529.416	19.471.070.347
<b>Tổng cộng</b>	<b>180.180.693.674</b>	<b>90.840.483.781</b>

**19. THU NHẬP KHÁC**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu từ tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	2.293.065.909
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	48.954.546
Thu nhập khác	3.810.150	23.372.765
	<b>3.810.150</b>	<b>2.365.393.220</b>

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>12.409.859.725</b>	<b>24.696.413.126</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(7.610.823.220)	(355.324.876)
<i>Cổ tức nhận được</i>	(818.502.006)	(355.324.876)
<i>Khoản hoàn nhập dự phòng</i>	(6.792.321.214)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	43.494.980.877	27.272.727
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>48.294.017.382</b>	<b>24.368.360.977</b>
Thuế suất	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>10.624.683.824</b>	<b>6.092.090.245</b>
Thuế TNDN truy thu năm 2012	-	1.850.993.348
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>10.624.683.824</b>	<b>7.943.083.593</b>

12500  
 NG T  
 HIỆM H  
 LOIT  
 T N  
 RA - T

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	14.596.784.105	12.009.825.385
Chi phí công cụ, đồ dùng	601.209.223	264.217.037
Chi phí khấu hao tài sản cố định	559.572.790	642.531.442
Thuế, phí và lệ phí	24.499.476	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.053.801.435	4.638.204.310
Chi phí khác bằng tiền	1.273.418.906	504.033.681
	<b>22.109.285.935</b>	<b>18.062.811.855</b>

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.785.175.901	16.753.329.533
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (đơn vị)	35.917.808	30.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>50</b>	<b>558</b>

**23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	4.134.367.909	3.844.970.432
	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	5.607.331.260	4.385.475.468
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	16.182.281.744	12.136.068.886
Sau năm năm	12.366.530.666	12.144.649.852
	<b>34.156.143.670</b>	<b>28.666.194.206</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 223,13 m<sup>2</sup> diện tích thực tại tầng M, tòa nhà Center Park, số 117-119-121 Nguyễn Du, Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê trong suốt thời gian thuê là 516.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng. Bản gia hạn Hợp đồng thuê văn phòng làm việc được ký ngày 18 tháng 4 năm 2014 với Công ty TNHH Dịch vụ Ngôi Nhà Xanh. Thời hạn thuê là hai năm, bắt đầu từ ngày 10 tháng 5 năm 2014 đến hết ngày 9 tháng 5 năm 2016.

- Tổng số tiền thuê văn phòng làm việc tại tầng 1 và tầng 7, tòa nhà Trung Yên Plaza, thành phố Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng dịch vụ thương mại số 18/2013/HĐ-VPTM/OCH - OCS được ký ngày 27 tháng 02 năm 2013 với Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương. Thời hạn thuê tầng 1 là 10 năm kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2013. Thời hạn thuê tầng 7 là 10 năm kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2013.

Theo Phụ lục 01 kèm theo số 18/2013/HĐ-VPTM/OCH - OCS ngày 01 tháng 10 năm 2013, giá thuê văn phòng tại tòa nhà Trung Yên Plaza được điều chỉnh như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

+ Giá thuê tầng 1 là 113.998.005 VND/tháng (giá đã bao gồm VAT) cho diện tích thuê 175,95 m<sup>2</sup>.

+ Giá thuê tầng 7 là 127.755.012 VND/tháng (giá đã bao gồm VAT) cho diện tích thuê 291,08 m<sup>2</sup>.

- Tổng số tiền thuê 146 m<sup>2</sup> diện tích thực văn phòng làm việc tại tầng 1 cánh phải tòa nhà Trung Yên Plaza, thành phố Hà Nội với giá thuê là 506.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng theo Hợp đồng thuê văn phòng dịch vụ thương mại số 07/2014/HĐ-VPTM/OGC - OCS được ký ngày 25 tháng 02 năm 2014 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương. Đơn giá thuê sẽ được điều chỉnh theo định kỳ ba năm một lần. Thời hạn thuê là 9 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 3 năm 2014 đến hết ngày 01 tháng 3 năm 2023.

- Tổng số tiền thuê 106 m<sup>2</sup> văn phòng làm việc tại tầng 3 tòa nhà số 41 Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội với giá thuê trong suốt thời hạn thuê là 25.000.000 VND/tháng theo hợp đồng thuê văn phòng làm việc được ký ngày 09 tháng 6 năm 2014 với vợ chồng ông Võ Tiến Hùng và bà Trịnh Thúy Ngọc. Thời hạn thuê là 36 tháng kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2014.

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	445.903.583.333
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(377.272.511.351)	(229.996.638.112)
Nợ thuần	-	215.906.945.221
Vốn chủ sở hữu	622.783.551.167	323.763.041.766
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u>-</u>	<u>0,67</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị còn lại	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	377.272.511.351	229.996.638.112
Phải thu khách hàng và phải thu khác	360.162.904.674	696.516.632.956
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.593.730.204	5.352.619.376
Tài sản dài hạn khác	1.104.157.326	864.045.326
<b>Tổng cộng</b>	<b>771.133.303.555</b>	<b>932.729.935.770</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	445.903.583.333
Phải trả người bán và phải trả khác	155.855.415.075	169.013.532.005
Chi phí phải trả	746.472.544	7.049.963.598
<b>Tổng cộng</b>	<b>156.601.887.619</b>	<b>621.967.078.936</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản nhận đặt cọc chịu lãi suất từ các hợp đồng đặt mua trái phiếu đã được ký kết, trái phiếu do Công ty phát hành và các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản đặt cọc từ hợp đồng đặt mua trái phiếu chịu lãi suất cố định và các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng do tài sản bảo đảm của các khách hàng, đối tác không đảm bảo đủ cho các khoản phải thu của Công ty.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	377.272.511.351	-	377.272.511.351
Phải thu khách hàng và phải thu khác	360.162.904.674	-	360.162.904.674
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.593.730.204	-	32.593.730.204
Tài sản dài hạn khác	-	1.104.157.326	1.104.157.326
<b>Tổng cộng</b>	<b>770.029.146.229</b>	<b>1.104.157.326</b>	<b>771.133.303.555</b>
<b>31/12/2014</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	155.855.415.075	-	155.855.415.075
Chi phí phải trả	746.472.544	-	746.472.544
<b>Tổng cộng</b>	<b>156.601.887.619</b>	<b>-</b>	<b>156.601.887.619</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>613.427.258.610</b>	<b>1.104.157.326</b>	<b>614.531.415.936</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2013</b>			
Tiền	229.996.638.112	-	229.996.638.112
Phải thu khách hàng và phải thu khác	696.516.632.956	-	696.516.632.956
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.352.619.376	-	5.352.619.376
Tài sản dài hạn khác	864.045.326	-	864.045.326
<b>Tổng cộng</b>	<b>932.729.935.770</b>	<b>-</b>	<b>932.729.935.770</b>
<b>31/12/2013</b>			
Các khoản vay	445.903.583.333	-	445.903.583.333
Phải trả người bán và phải trả khác	169.013.532.005	-	169.013.532.005
Chi phí phải trả	7.049.963.598	-	7.049.963.598
<b>Tổng cộng</b>	<b>621.967.078.936</b>	<b>-</b>	<b>621.967.078.936</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>310.762.856.834</b>	<b>-</b>	<b>310.762.856.834</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**25. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM**

CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
<b>1. Chứng khoán tự doanh</b>	<b>21.615.653</b>	<b>921.452.999.700</b>
Cổ phiếu	13.929.033	241.666.799.700
Trái phiếu	6.000.000	670.170.000.000
Chứng khoán khác	1.686.620	9.616.200.000
<b>2. Chứng khoán của người đầu tư</b>	<b>3.602.710.987</b>	<b>58.959.011.866.532</b>
Cổ phiếu	3.465.528.557	43.559.984.294.200
Trái phiếu	137.182.430	15.399.027.572.332
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.624.326.640</b>	<b>59.880.464.866.232</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	Chủ sở hữu
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	Cổ đông lớn
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo	Cổ đông lớn (*)
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất Động Sản Đại Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn (*)
Vũ Hồng Sơn	Cổ đông lớn
Nguyễn Thị Phương Thảo	Cổ đông lớn

(\*) Trước thời điểm Công ty tăng vốn trong năm 2014.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương		
- Nhận đặt cọc	1.400.000.000.000	726.000.000.000
- Doanh thu phí lưu ký	92.975.474	230.120.237
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	2.883.202.521	753.157.283
- Doanh thu tư vấn	90.909.091	20.000.000
- Doanh thu lãi từ hợp đồng tiền gửi không kỳ hạn	1.066.662.756	742.926.812
- Nhận cổ tức	-	253.134.000
- Doanh thu từ bán chứng khoán	-	90.100.000
- Chi phí lãi phát sinh từ các khoản nhận đặt cọc	13.576.527.776	25.393.236.107
- Chi phí khác	91.512.602	-
2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương		
- Nhận tiền theo Hợp đồng hỗ trợ vốn	170.000.000.000	-
- Doanh thu tư vấn	50.000.000	50.000.000
- Doanh thu phí lưu ký	183.586.072	44.766.595
- Thu nhập từ cho thuê tài sản	-	33.032.727
- Chi phí lãi phát sinh từ khoản hỗ trợ vốn	626.138.890	2.360.416.666
- Chi phí quảng cáo	-	208.333.333
- Chi phí lãi tiền gửi không kỳ hạn	84.321.925	-
3. Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương		
- Nhận tiền theo hợp đồng vay	4.000.000.000	-
- Doanh thu phí lưu ký	36.153.250	33.356.046
- Doanh thu tư vấn	50.000.000	230.000.000
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	-	172.125.000
- Thu nhập từ cho thuê tài sản	-	22.727.273
- Chi phí thuê nhà, điện nước và phí bảo vệ	2.175.777.153	681.216.459
- Chi phí lãi vay	30.000.000	-
4. Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương		
- Vốn vay nhận được	51.481.062.500	90.000.000.000
- Chi phí lãi vay	1.481.062.500	779.027.777

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
5. Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo		
- <i>Doanh thu phí lưu ký</i>	619.230.555	595.825.587
6. Các cổ đông lớn		
- <i>Góp vốn trong năm</i>	150.000.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Nông lâm Sản Đại Dương	6.336.000	43.432.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	172.000.000	-
<b>Khách hàng ứng trước</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	78.000.000
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	430.773.819
<b>Phải trả khác</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	26.151.222.217



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 02/2014/NQ-ĐHCD ngày 29 tháng 12 năm 2014, Công ty sẽ triển khai phương án tái cơ cấu hoạt động, tìm kiếm công ty chứng khoán tiềm năng phù hợp để thực hiện hợp nhất, sát nhập. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn đang trong quá trình tìm kiếm đối tác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá sự kiện này không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán. Trong năm, Công ty đã phân loại lại một số số liệu đầu năm để đảm bảo tính so sánh của thông tin như sau:

	Số đã báo cáo <u>VND</u>	Phân loại lại <u>VND</u>	Số sau phân loại lại <u>VND</u>
Chi phí phải trả	7.985.589.465	(935.625.867)	7.049.963.598
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	614.605.967	935.625.867	1.550.231.834



**Vũ Hồng Sơn**  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

**Vũ Thị Thanh Hằng**  
Kế toán trưởng

**Bùi Thị Yến**  
Người lập biểu